



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU



MỤC LỤC



I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	
1.	Quá trình hình thành và phát triển	Trang 01
•	41 năm hình thành và phát triển.....	Trang 01
•	Các cột mốc phát triển	Trang 02
•	Văn hóa doanh nghiệp.....	Trang 03
•	Sản phẩm.....	Trang 04
•	Sứ mệnh và tầm nhìn.....	Trang 06
•	Giá trị cốt lõi	Trang 06
•	Triết lý kinh doanh	Trang 07
2.	Các mục tiêu của giai đoạn 2019 – 2023	Trang 07
II.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:	
1.	Cơ cấu tổ chức.....	Trang 08
2.	Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động	Trang 10
a.	Số lượng lao động.....	Trang 11
b.	Chính sách với người lao động.....	Trang 12
3.	Công ty thành viên & liên kết.	Trang 12
III.	ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2019.....	Trang 13
IV.	BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH 2019.....	Trang 15
V.	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.....	Trang 18
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.....	Trang 22

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển:

>> 41 năm hình thành và phát triển:



Năm 1978, Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường với khởi điểm là mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như: xích, líp, cãm xe. Thời gian này, đây được xem là một trong những doanh nghiệp hiếm hoi sản xuất dòng sản phẩm này. Chỉ trong vòng 2 năm, quy mô cơ sở sản xuất được mở rộng với hơn 100 nhân viên.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, tổ sản xuất Hữu Liên phát triển mạnh về cả sản lượng và quy mô sản xuất thành Xí nghiệp Tư doanh

Hữu Liên. Đến ngày 4/4/1992, Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên lấy tên là doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi sản xuất sang các lĩnh vực sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại đen, sản xuất nhựa, sản xuất ống thép các loại, kinh doanh thương mại mua bán phục vụ sản xuất, đại lý ký gửi các loại hàng hóa.

Vào năm 1999, khi ở Việt Nam bắt đầu xuất hiện những cơ sở sản xuất ống thép thì Hữu Liên Á Châu đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên có thể sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp. Ngày 20/04/2001 mang một dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với trụ sở chính đặt tại KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM (theo giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và 9 cổ đông sáng lập).

Cho đến thời điểm hiện nay, ống thép là sản phẩm chủ lực của Công ty Hữu Liên Á Châu với doanh thu và sản lượng hàng năm của ngành hàng ống chiếm trên 2/3 tổng doanh thu của nhà máy. Sản phẩm ống thép của Công ty phong phú với các sản phẩm như ống thép tròn, ống oval, ống chữ D, ống vuông. Độ dày thành ống hiện nay của Công ty sản xuất cũng rất đa dạng, từ 0,7mm đến 3,5mm với nhiều quy cách khác nhau tương ứng với các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Năm 2002, Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và 140 tỷ năm 2006, năm 2008 nâng lên đến 190 tỷ đồng. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đến nay vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 344 tỷ đồng. Quá trình xây dựng thương hiệu Hữu Liên được ghi nhận sau hơn 30 năm phát triển. Hữu Liên trở thành thương hiệu có tên tuổi không những trong thị trường Việt Nam mà còn xuất khẩu sang một số các nước như Campuchia, Úc, Đông Âu,...

Sản phẩm ống thép Hữu Liên xuất hiện trên danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh trong cả hai giai đoạn: năm 2001 đến năm 2005 và năm 2006 đến năm 2009.

>> Các cột mốc phát triển:

2012	Ra mắt sản phẩm mới Ống thép hàn - Loại dày Hữu Liên Á Châu
2011	Hoàn thành giai đoạn 1 quá trình “Tái cấu trúc doanh nghiệp”
2010	- Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy Ống thép Hữu Liên tại Long An - Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại Quận Bình Tân
2009	- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thép Hữu Liên, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp). - Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng
2008	- Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao Vàng Đất Việt.

	- Mở rộng sản phẩm: Đưa ra thị trường sản phẩm ống thép mạ kẽm - Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính.
2007	- Mở rộng hoạt động kinh doanh - Thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép.
2001	Thành lập Cty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
1995-1996	Xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất dự án sản xuất ống thép tại Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
1990-1992	Chính thức đổi tên Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
1988	Thành lập xí nghiệp Tư nhân Hữu Liên
1980-1986	Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên
1978	Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp

>> Văn hóa doanh nghiệp:

Với quá trình hình thành và phát triển hơn 40 năm, văn hóa doanh nghiệp của Hữu Liên Á Châu luôn mang nét riêng không thể nhầm lẫn, bởi nhiều truyền thống và giá trị tốt đẹp đã được hình thành trong suốt thời gian này, tạo nên bản sắc Hữu Liên - thể hiện qua từng con người, từng gốc cây, mảnh đất... tất cả đều mang trên mình một câu chuyện, một nét đẹp góp phần vào những giá trị bền vững trong từng giai đoạn phát triển của Hữu Liên Á Châu.

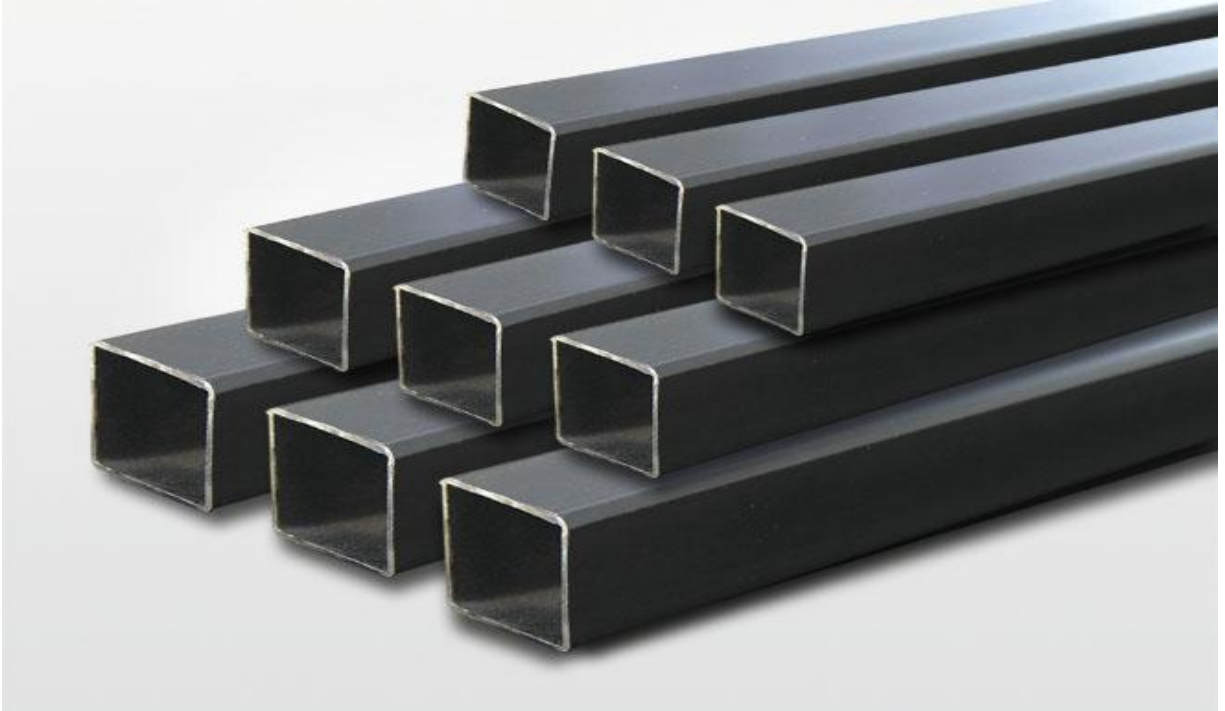
Văn hóa Hữu Liên trước hết là sự tin tưởng, gắn bó, hợp tác, hỗ trợ nhau vì hiệu quả của công việc. Hữu Liên Á Châu luôn mong muốn tạo ra một môi trường làm việc thân thiện nhưng cũng giàu sức cạnh tranh nhất cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho mọi người phát triển năng lực, sự nghiệp của mình cùng với sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ cũng được thường xuyên tổ chức tại Công ty nhằm mang đến đời sống tinh thần phong phú hơn, tạo được sự hứng khởi cho CBCNV trong quá trình làm việc.

>> Sản phẩm:

Nổi tiếng nhờ sản phẩm chất lượng và uy tín trong kinh doanh hơn 38 năm trên thị trường, Hữu Liên Á Châu hiện có các sản phẩm sau:

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM





Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng, những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng và đạt tiêu chuẩn quy định của Việt Nam và Quốc Tế:

Sản phẩm của Hữu Liên có màu sắc đồng đều, đường nét, góc cạnh thẳng, sắc sảo, vuông vức hoặc tròn đều.

- Sai số kích thước ống 0.2mm, đúng bề dày, đúng trọng lượng, đúng theo tiêu chuẩn công bố, sai số trong phạm vi +-5%
- Luôn có in tên logo thương hiệu cùng quy cách sản phẩm trên thân ống. Độ co giãn, bề uôn rất tốt trong các ứng dụng sản xuất các sản phẩm đòi hỏi tính mỹ thuật, kỹ thuật, chính xác cao.
- Sản phẩm khi xuất xưởng luôn có giấy chứng nhận xuất xưởng của Công ty đính kèm, đó là cơ sở bảo chứng uy tín của các nhà thầu sử dụng đúng sản phẩm của Hữu Liên Á Châu cũng như chất lượng công trình khi sử dụng sản phẩm thương hiệu chất lượng.
- Sản phẩm được chỉ định trong các công trình trọng điểm của Quốc gia như: Cảng Chân Mây, Sân Bay, Kênh Nhiêu Lộc, Cầu Rạch Chiếc...

Hữu Liên Á Châu luôn đảm bảo nguồn hàng cung ứng liên tục, đa dạng đáp ứng tốt nhất tất cả các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và tận tâm.

Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu đã được xuất khẩu sang các Quốc gia: Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào, Thái Lan...

>> **Sứ mệnh và tầm nhìn:**

SỨ MỆNH:

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

TẦM NHÌN:

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu thế giới và trở thành tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam.

>> **Giá trị cốt lõi:**

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hài lòng đối tác:

- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

Giữ gìn uy tín:

- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng

Tinh thần đồng đội

- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp

Hiệu quả công việc:

- Lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.

>> **Triết lý kinh doanh:**

Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; và mỗi sản phẩm là một lời cam kết giá trị, Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu luôn tiếp tục phát huy nội lực và vị thế hiện tại để giữ vững cam kết và làm hài lòng các bằng hữu của mình.

>> **Định hướng phát triển:**

Hiện nay thương hiệu Ống thép Hữu Liên đã nổi tiếng trên thị trường nội địa, cần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, mở rộng thị phần ở thị trường nước ngoài để tăng sản lượng, doanh thu, nhất là ở các thị trường mới phát triển để chiếm vị trí tiên phong.

Bên cạnh đó, trong nước, cần tập trung ổn định hoạt động sản xuất, chú trọng chất lượng, giữ vững thị phần và vị thế thương hiệu. Phát triển hoạt động mua bán các sản phẩm thương mại để tối ưu hóa quy trình sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

2. Các mục tiêu của giai đoạn 2019 – 2023:

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH:

- Gia tăng sản lượng sản xuất .
- Tập trung phát triển các dòng sản phẩm ống thép .

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN 2023:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng Quản trị đã đề ra kế hoạch Kinh doanh đến năm 2023 cụ thể như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	20,00	22,00	25,00	28,00	30,00
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0
Chia cổ tức	0	0	0	0	0

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức

>> Đại hội đồng cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

>> Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.



ÔNG TRẦN XẢO CƠ

Chủ Tịch HĐQT

>> **Ban Kiểm soát:**

- Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

>> **Ban Giám Đốc:**

- Bao gồm Giám Đốc và Phó Giám Đốc
- Giám Đốc do hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



ÔNG TRẦN TUẤN NGHIỆP
Tổng Giám Đốc



ÔNG BÙI QUANG HIỆP
Giám Đốc Điều Hành

>> **Khối Kinh doanh:**

- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh các sản phẩm
- Duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, chính sách giá cả, nhằm đạt mục tiêu Ban Giám Đốc đề ra.

>> **Khối sản xuất kỹ thuật:**

Lập kế hoạch, tổ chức triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu Kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
- Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động tốt và đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất ý kiến với Ban Giám Đốc về các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, chế tạo, phát triển sản phẩm
- Thiết kế các công cụ, khuôn gá phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Giám sát và điều hành thực hiện nội quy an toàn lao động, biên chế cấp bậc kỹ thuật.

>> Khối Tài chính - Kế toán:

- Các công việc liên quan đến công tác tính giá thành, hạch toán, phân bổ chi phí; thực hiện các chức năng quản lý tài chính theo quy định; thiết lập và lưu trữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng.

>> Phòng Nhân sự hành chính & Công nghệ thông tin:

- Giải quyết các vấn đề về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân viên; phụ trách lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho công nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

>> Phòng Thu mua:

- Chịu trách nhiệm tìm kiếm, thu mua các nguyên vật liệu, vật tư cần thiết một cách hiệu quả nhất, đáp ứng nhu cầu phát sinh thực tế của các phòng ban, bộ phận trong công ty.
- Thực hiện các thủ tục, công tác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu Công ty.

>> Phòng đối ngoại truyền thông:

- Chịu trách nhiệm đối ngoại và truyền thông nội bộ, quản lý thương hiệu, quản lý các hoạt động marketing và quan hệ cổ đông của Công ty.

2. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động:

>> Số lượng lao động:

Tình hình đến 30/09/2018, số lượng người lao động trong công ty là 27 người, trong đó nữ chiếm 17 người.

- Mức lương bình quân:
 - o Năm 2018 là 15,800,000 đồng/tháng.
- Cơ cấu lao động của Công ty được phân như sau:
 - o Đại học và trên đại học : 10 lao động
 - o Trung cấp nghề, cao đẳng : 07 lao động
 - o Lao động phổ thông : 10 lao động

>> **Chính sách với người lao động:**

a. Chính sách lương và phụ cấp:

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo quy định của Luật lao động.
- Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo quy định của Luật lao động Việt Nam.
- Chế độ nâng lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 03 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ, phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại, trợ cấp tiền cơm...

b. Chính sách khen thưởng

Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật...

c. Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định. Làm việc tại Hữu Liên Á Châu, người lao động luôn nhận

được sự quan tâm chia sẻ vì không đơn thuần là lương, là nghề nghiệp mà còn có cơ hội học tập, đào tạo và phúc lợi cho chính gia đình người lao động.

d. Chính sách đào tạo:

Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:

- Đào tạo nội bộ thông qua việc mời các chuyên gia đến để đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khóa đào tạo lại bên ngoài.
- Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề nhằm tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho người lao động.
- Hướng người lao động đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tác động tích cực đến hoạt động của Công ty.

e. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết: Công ty thực hiện theo quy định.

f. Tổ chức Công Đoàn:

- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật công đoàn và các luật liên quan khác.

g. Chính sách nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện
- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên
- Thu hút nhân tài
- Chính sách thu nhập cạnh tranh
- Khen thưởng công bằng

3. Công ty liên kết:



>> **Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**

- Địa chỉ trụ sở chính: R1 – 49 Hưng Phước 4, PHM Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Q. 7, Tp.HCM.
- GP ĐKKD: Số 4103007675 Sở KH & Đầu

tư TpHCM cấp ngày 30/08/2007.

- Vốn góp của HLA 25,20%
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Minh – Giám Đốc Công ty.
- Website chính thức: www.minghuulien.com

III.ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Tình hình kinh tế năm 2018 thực tế không như nhận định, hoạt động sản xuất sút giảm trầm trọng, Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức độ thấp ở mức độ thấp nhằm ổn định công việc làm cho CBCNV và giữ thương hiệu HLAC.

Đồng thời, cán cân nợ quá lớn, Công ty liên tục thua lỗ trong thời gian qua và đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, không tạo ra được nguồn lợi nhuận, chi phí tài chính tăng lợi nhuận doanh nghiệp bị giảm sút ảnh hưởng đến vòng quay của dòng tiền, doanh nghiệp phải chấp nhận luân chuyển hàng hóa, xử lý hàng tồn kho để giải quyết chi phí .

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TH 2018 / KH 2018
1	Doanh thu thuần	20,00	18,41	92.05%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(126,18)	
	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt		-	0%
	Quỹ khen thưởng		-	0%
	Quỹ phúc lợi		-	0%
	Thưởng cho HĐQT			
	Quỹ phát triển sản xuất			
	Quỹ dự phòng tài chính		-	0%

2. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 2019.

Triển khai các hoạt động tái cấu trúc triệt để hướng tới hoạt động kinh doanh 2019 hiệu quả hơn bằng các biện pháp như sau:

- a. Tái cơ cấu công ty nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - Tinh giảm bộ máy gián tiếp
 - Cải tiến kỹ thuật ở khâu sản xuất
 - Tích cực cải tiến quy trình bán hàng, điều chỉnh giảm các khoản công nợ tránh đọng vốn ở khâu kinh doanh.
- b. Gián tiếp giảm chi phí tài chính:

Năm 2019 tiếp tục khó khăn, vì vậy mục tiêu doanh nghiệp là duy trì khoản thu nhập để trả các chi phí .
- c. Tăng sản lượng.
 - Cơ cấu lại dòng sản phẩm sinh lời cao, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay
 - Tăng vòng quay vốn bằng cách tăng vòng quay sản xuất

3. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Doanh thu thuần	20
2	Lợi nhuận trước thuế	0
3	Nộp ngân sách nhà nước	0
4	Lợi nhuận sau thuế	0
5	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	0
5.1	Chi cổ tức bằng tiền mặt	0
5.2	Quỹ khen thưởng	0
5.3	Quỹ phúc lợi	0
5.4	Thưởng cho HĐQT	0
5.5	Quỹ phát triển sản xuất	0
5.6	Quỹ dự phòng tài chính	0

IV. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

1. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2018:

➤ PHẦN 1:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2018

Năm qua vẫn là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành thép.

Trong năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc để thực hiện các giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện các biện pháp như sau: Tăng cường chủ động các nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, kiểm soát tốt chi phí đầu vào, giảm giá thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty tập trung củng cố thị phần trong nước để Công ty CP Hữu Liên Á Châu vượt qua giai đoạn khó khăn.

Hội đồng quản trị xin báo cáo như sau:

1. Trong năm qua công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động của Công ty” đã được Ban Giám đốc triển khai phối hợp chặt chẽ với các phòng ban của Công ty. Đồng thời tuân thủ việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên mà kế hoạch đã đề ra, kiểm soát các qui định nội bộ về quản trị rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính và rủi ro thị trường nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ở mức độ cho phép.
2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2018 (giai đoạn từ 01/10/2017 đến 30/9/2018)

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TH 2018 / KH 2018
1	Doanh thu thuần	20,00	18,41	92.05%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(126,18)	

➤ PHẦN 2:

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2019 (GIAI ĐOẠN 01/10/2018 ĐẾN 30/9/2019):

Năm 2019 sẽ khó khăn hơn năm 2018, tiềm ẩn nhiều rủi ro, do các khó khăn của năm 2018 vẫn chưa được giải quyết và có khả năng vẫn tiếp tục kéo dài trong năm tới. Năm 2019 dự đoán sẽ tiếp tục khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của cty

Trước nhận định như trên, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu vẫn chịu ảnh hưởng trực tiếp, cụ thể:

- Các yếu tố liên quan đến vốn kinh doanh và tiêu thụ của thị trường, bất ổn về tài chính là yếu tố làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Ngoài ra các yếu tố đầu vào của giá thành đang có khuynh hướng tăng: giá điện, giá nước, chi phí tiền lương... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.

Căn cứ vào đánh giá tình hình nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thận trọng đề ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2019 (giai đoạn 01/10/2018 đến 30/9/2019) như sau:

1. Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty” trong năm tài chính 2019.
2. Kế hoạch kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019 (giai đoạn 01/10/2018 đến 30/9/2019):

Năm 2019, Công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn vốn, vì vậy Doanh số dự kiến là 20 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 0 tỷ đồng.

➤ **PHẦN 3:**

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2019

Căn cứ vào dự báo tình hình khó khăn và đầy thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019. Để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2019, Ban Giám đốc đã cân trọng, xây dựng và đề ra những biện pháp sau:

- Ban Giám đốc Công ty sẽ thường xuyên duy trì việc phối hợp chặt chẽ với các phòng Kiểm soát nội bộ, phòng Tài chính kế toán để thực hiện quản trị rủi ro nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.
- Củng cố nội lực tài chính, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty nhằm tái cấu trúc lại nguồn vốn, ổn định sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tối ưu nhất.

➤ **PHẦN 4:**

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM 2019

Ban Giám đốc Công ty xây dựng các mục tiêu, các kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong Năm tài chính 2019, cụ thể:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

- Tập trung kiểm soát công nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.

2. Nâng cao hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Cải tiến, tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính.
- Đào tạo, cập nhật bồi dưỡng kiến thức và nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí nhân sự chủ chốt nhằm đảm bảo tính hoạt động liên tục.

➤ PHẦN 5:

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 05 NĂM (TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2023)

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển của Công ty cho 5 năm tới (từ năm 2019 đến 2023), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:

Tập trung tái cấu trúc lại nguồn vốn, ổn định sản xuất kinh doanh .

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2023:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu đến năm 2023, cụ thể:

ĐVT: Tỷ VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Tổng doanh thu thuần	20,00	22,00	25,00	28,00	30,00
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0

2. Báo cáo Ban Giám Đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2018:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2018 (GIAI ĐOẠN 01/10/2017 ĐẾN 30/9/2018)

Sau đây là kết quả hoạt động của năm tài chính 2018 của Công ty CP Hữu Liên Á Châu:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	20,00	18,41	92.05%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(126,18)	

B. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2018:

Trong năm 2018, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã triển khai các giải pháp quản trị nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác đào tạo để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Kiểm soát và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động thông qua việc tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và cắt giảm tối đa chi phí nhân sự hành chính so với kế hoạch đã đề ra.

C. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2019 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2018 ĐẾN 30/9/2019):

Căn cứ vào tình hình hiện tại, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét các cơ hội; các yếu tố rủi ro trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2019 như sau:

1. Về kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2018 (giai đoạn từ 01/10/2018 đến 30/09/2019):

Năm 2019 là năm rất khó khăn và công ty tiếp tục công việc tái cấu trúc lại nguồn vốn với các tổ chức tín dụng, vì vậy Doanh số dự kiến là 20 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 0 đồng.

2. Kế hoạch hành động và giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm tài chính 2019, như sau:

a. Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Tập trung kiểm soát hệ thống phân phối và cấu trúc các dòng sản phẩm chủ lực bán ra đúng tỷ trọng kế hoạch đã xây dựng; nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí tài chính bằng cách thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để đảm bảo dòng tiền ổn định và giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tập trung quản lý tốt các hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu, hàng hóa giá thấp và chất lượng.
- Củng cố các thị phần bán hàng trong và ngoài nước.

b. Cải tiến hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Tiếp tục vận hành và cải tiến các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính... nhằm quản lý Công ty hiệu quả và chuyên nghiệp.

V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2018;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2019;

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2018 được xem là năm vô cùng khó khăn đối với công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh sụt giảm, sản lượng tiêu thụ sản phẩm, sản xuất ở mức độ 30% công suất để duy trì hoạt động.

Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên họp định kỳ để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp và các giải pháp ứng phó với khó khăn để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu.

II. Hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2018, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn tín dụng bị thắt chặt. Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trong năm, Ban Giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực thực hiện Công tác tái cấu trúc các dòng sản phẩm, cơ cấu tuổi nợ và cơ cấu nguồn vốn nhằm cải thiện và tiết giảm chi phí tài chính.

B. HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2018

I. Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2018 (giai đoạn 01/10/2017 đến 30/09/2018) như sau:

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2018:

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2018 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2018

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận của năm tài chính 2018 như sau:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TH 2018 / KH 2018
1	Doanh thu thuần	20,00	18,41	92.05%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(126,18)	

2. Tình hình tài chính của Công ty CP Hữu Liên Á Châu tại thời điểm ngày 30/09/2018:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	30/9/2017	30/9/2018	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	323,36	275,97	(47,39)
I.	Tài sản ngắn hạn	97,82	73,31	(24,51)
	<i>Trong đó:</i>		-	
1	<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>577,96</i>	<i>537,45</i>	<i>(40,51)</i>
2	<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>0,27</i>	<i>0,07</i>	<i>(0,20)</i>
3	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>7,65</i>	<i>6,86</i>	<i>(0,79)</i>
II.	Tài sản dài hạn	225,53	202,66	(22,87)
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	323,36	275,97	(47,39)
I.	Nợ phải trả	1.592,34	1.671,14	78,80
	<i>Trong đó:</i>		-	-
1	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>1.591,64</i>	<i>1.670,44</i>	<i>78,80</i>
2	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>0,70</i>	<i>0,70</i>	<i>-</i>
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	(1.268,99)	(1,395.17)	(126,18)
III.	Lợi ích của cổ đông theo thiểu số			-

3. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2018:

ĐVT: Tỷ VNĐ

ST T	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận sau thuế	0	(126,18)
2.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận		
	+ Chi cổ tức bằng tiền		-

	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:		-
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:		-
	+ Phần còn lại bổ sung Quỹ dự phòng tài chính		-

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2018:

Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 cụ thể:

ĐVT: VNĐ / Năm

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát	0	0
Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát	0	0
TỔNG CỘNG	0	0

C. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2019, dự báo tình hình kinh tế Việt Nam có triển vọng hơn năm 2018, nhưng cũng nhiều thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn.

Trên cơ sở nhận định này, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty”
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tăng cường quản trị đầu vào giúp Công ty kiểm soát được nguồn mua nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu để đảm bảo sản xuất và giảm tiêu hao.

D. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2019:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2019 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/09/2019), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý I (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018):

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính 2019 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2018).

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1 năm tài chính 2019.
 - Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1 năm 2019 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.
- 2. Quý II (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019):**
- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
 - Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019).
 - Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2019 (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/03/2019).
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2019.
 - Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm tài chính 2019.
- 3. Quý III (từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019):**
- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/03/2019). Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
 - Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 3 năm tài chính 2019 (từ ngày 01/04/2019 đến 30/06/2019).
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3 năm tài chính 2019.
 - Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3 năm tài chính 2019.
- 4. Quý IV (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 30/09/2019):**
- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
 - Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 4 năm tài chính 2019 (từ ngày 01/07/2019 đến 30/09/2019).
 - Và tổng kết năm tài chính 2019 (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/09/2019).
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Quý 4 năm tài chính 2019.
 - Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 4 năm tài chính 2019.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-37

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2018

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/04/2001 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302290400 ngày 08/01/2016.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 344.592.930.000 đồng, được chia thành 34.459.293 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HLA kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2008 theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008.

Cổ phiếu Công ty đã hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 02/SGDHCM-NY ngày 05/01/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 135/QĐ-SGDHN ngày 12/3/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

Tên tiếng Anh: Huu Lien Asia Corporation.

Tên viết tắt: HLA CORP.

Trụ sở chính: KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Thành viên
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Bà Lê Thị Hương Giang	Thành viên

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Hơn nữa, theo Thông báo số 123/TB-NCB ngày 25/06/2018 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Sài Gòn về việc thu giữ tài sản bảo đảm của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu, ông Trần Xảo Cơ và bà Lưu Lang Phương để xử lý thu hồi nợ xấu liên quan đến khoản vay được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 17b - Vay và nợ thuê tài chính. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận tái chính thay thế với Ngân hàng TMCP Quốc dân liên quan đến việc gia hạn thêm thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Về việc đáp ứng cam kết thanh toán theo kế hoạch cho VAMC theo Quyết định số 1128/2017/QĐST-KDTM ngày 17/11/2017 về thỏa thuận thời gian và lịch trả nợ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu với VAMC được trình bày tại mục VIII.5. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo kế hoạch và cũng không gia hạn được thêm thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Thực tế trên cho thấy việc tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, và do đó, Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường.

Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ vấn đề này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không nhận được thư xác nhận số dư nghĩa vụ nợ đối với nhà cung cấp với giá trị sổ sách là 58.077.487.866 VND và các thủ tục thay thế khác cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải trả trên. Cùng với việc không nhận được thư xác nhận, chúng tôi cũng không thu thập đầy đủ được các bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc gia hạn thời gian thanh toán nợ đối với các nhà cung cấp trên. Vấn đề này có thể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tới.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

tp. HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2018



PHẠM VĂN VINH

Số Giấy CNDKHNKT: 0112-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ HÙNG DŨNG

Số Giấy CNDKHNKT: 3174-2015-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018	01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.312.496.898	97.824.024.595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	671.537.506	3.163.356.415
1. Tiền	111		671.537.506	3.163.356.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.902.800	3.820.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.095.000	9.095.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.192.200)	(5.274.600)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.800.360.655	80.947.334.504
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	537.453.764.055	577.963.040.832
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	70.900.000	267.190.974
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	45.731.541.635	47.947.042.463
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(525.455.845.035)	(545.229.939.765)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.860.711.062	7.654.710.306
1. Hàng tồn kho	141		8.925.432.382	8.616.150.222
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.064.721.320)	(961.439.916)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.975.984.875	6.054.802.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	79.679.703	232.868.763
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.896.305.172	5.821.934.207
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018	01/10/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.656.644.041	225.531.516.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.170.500.000	27.170.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	31.525.256.250	31.725.256.250
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	13.000.000	13.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.367.756.250)	(4.567.756.250)
II. Tài sản cố định	220		129.640.049.304	144.432.055.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	45.826.339.875	58.026.766.865
- Nguyên giá	222		222.164.167.748	222.164.167.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.337.827.873)	(164.137.400.883)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	83.813.709.429	86.405.289.069
- Nguyên giá	228		112.787.062.023	112.787.062.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.973.352.594)	(26.381.772.954)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.948.738.045	27.948.738.045
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	27.948.738.045	27.948.738.045
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	10.629.100.000	13.420.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.629.100.000	13.420.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.268.256.692	12.560.222.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	7.268.256.692	12.560.222.462
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275.969.140.939	323.355.541.036

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018	01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.671.138.575.566	1.592.340.879.752
I. Nợ ngắn hạn	310		1.670.441.259.566	1.591.643.563.752
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	345.999.311.853	343.916.284.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.634.299.056	12.141.310.556
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	34.679.256.529	37.180.092.889
4. Phải trả người lao động	314		125.914.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	558.759.987.067	450.313.619.278
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	30.145.984.842	53.995.946.509
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	690.023.469.219	694.023.273.478
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.037.000	73.037.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		697.316.000	697.316.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	197.316.000	197.316.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	500.000.000	500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018	01/10/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.395.169.434.627)	(1.268.985.338.716)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(1.395.169.434.627)	(1.268.985.338.716)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		344.592.930.000	344.592.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		344.592.930.000	344.592.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.887.786.000	140.887.786.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(163.000.000)	(163.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.786.176.614	3.786.176.614
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.884.273.327.241)	(1.758.089.231.330)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.758.089.231.330)	(1.459.693.060.636)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		275.969.140.939	323.355.541.036

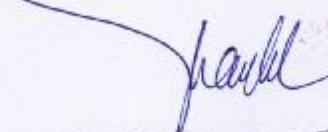
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Thu Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc




Trần Tuấn Nghiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

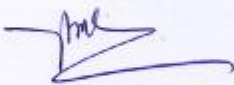
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (Từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018)	Năm trước (từ ngày 01/10/2016 đến 30/9/2017)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18.410.095.074	16.794.260.358
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.410.095.074	16.794.260.358
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.437.753.035	19.473.532.743
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.972.342.039	(2.679.272.385)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	101.027.128	2.228.441
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.932.077.353	135.934.405.465
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		102.471.212.902	136.045.827.284
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	350.772.991	305.392.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	(9.827.170.736)	140.192.950.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(104.382.310.441)	(279.109.792.362)
11. Thu nhập khác	31		914.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	21.802.699.470	19.286.378.332
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(21.801.785.470)	(19.286.378.332)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(3.664)	(8.663)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(3.664)	(8.663)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Thu Bình

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc




Trần Tuấn Nghiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (Từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018)	Năm trước (từ ngày 01/10/2016 đến 30/9/2017)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	14.792.006.630	16.979.756.668
- Các khoản dự phòng	03	MS122, V.2,3,4,6	(18.870.895.726)	125.501.027.980
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.318.872.964	7.194.247.559
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		12.672.872	(2.227.584)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	102.471.212.902	136.045.827.284
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(17.460.226.269)	(12.677.538.787)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		40.960.687.614	4.753.919.374
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(309.282.160)	5.777.142.456
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(28.277.418.212)	12.057.698.071
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		5.445.154.830	10.185.315.578
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		358.915.803	20.096.536.692
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(154.929.730)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.775.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.227.128	2.227.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.778.227.128	(152.702.146)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/04/2001 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302290400 ngày 08/01/2016.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 344.592.930.000 đồng, được chia thành 34.459.293 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HLA kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2008 theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008.

Cổ phiếu Công ty đã hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 02/SGDHCM-NY ngày 05/01/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 135/QĐ-SGDHN ngày 12/3/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Huu Lien Asia Corporation. Tên viết tắt: HLA CORP.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 30 tháng 09.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 9 năm 2018: 28 nhân viên (tổng số nhân viên đến 30/9/2017: 27 người).**7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Danh sách công ty liên kết và liên doanh**

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bùi Bằng Đoàn, quận 7, Tp. HCM	Sản xuất	25,20%	25,20%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10, kết thúc vào ngày 30/9 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào các Công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị quản lý	04 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	38 - 50 năm (theo thời gian thuê)
Phần mềm	04 - 15 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình; chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thường thanh toán trước thời hạn).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/9/2018	01/10/2017
Tiền	671.537.506	3.163.356.415
Tiền mặt	14.398.648	294.576.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	657.138.858	2.868.779.902
Cộng	671.537.506	3.163.356.415

2. Phải thu của khách hàng	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	537.453.764.055	(524.315.845.035)	577.963.040.832	(544.089.939.765)
Khách hàng trong nước	536.547.874.758	(523.453.339.961)	577.057.151.535	(543.279.230.803)
Công ty TNHH MTV thép Hữu Liên	102.624.457.390	(89.946.396.208)	103.014.869.944	(74.298.514.440)
Công ty TNHH MTV Thép Hưng Long	79.864.660.626	(79.864.660.626)	79.864.660.626	(79.864.660.626)
Công ty TNHH SX TM DV Quảng Tiến	10.303.672.164	(10.303.672.164)	37.725.248.164	(37.725.248.164)
Công ty CP XD & Kết cấu thép Trường Phú - CN. Bình Dương	-	-	9.997.303.146	(9.997.303.146)
Công ty TNHH Thép Việt Nga	17.135.027.236	(17.135.027.236)	17.135.027.236	(17.123.271.976)
Cty TNHH MTV Thép Vĩnh Tiến	59.325.140.746	(59.325.140.746)	59.325.140.746	(59.325.140.746)
Các khách hàng khác	267.294.916.596	(266.878.442.981)	269.994.901.673	(264.945.091.705)
Khách hàng nước ngoài	905.889.297	(862.505.074)	905.889.297	(810.708.962)
New-Sunny International Trading Co	871.771.747	(829.674.690)	871.771.747	(779.421.644)
Các khách hàng khác	34.117.550	(32.830.384)	34.117.550	(31.287.318)
Cộng	537.453.764.055	(524.315.845.035)	577.963.040.832	(544.089.939.765)
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	102.624.457.390	(89.946.396.208)	103.014.869.944	(74.298.514.440)
Công ty CP Minh Hữu Liên	217.306.000	-	-	-
Cộng	102.841.763.390	(89.946.396.208)	103.014.869.944	(74.298.514.440)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	70.900.000	-	267.190.974	-
Nhà cung cấp trong nước	70.900.000	-	267.190.974	-
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	27.000.000	-	264.464.124	-
Nhà cung cấp khác	43.900.000	-	2.726.850	-
b. Dài hạn	31.525.256.250	(4.367.756.250)	31.725.256.250	(4.567.756.250)
Nhà CC trong nước	31.525.256.250	(4.367.756.250)	31.725.256.250	(4.567.756.250)
- Công ty CP Renatus	-	-	200.000.000	(200.000.000)
- Trả trước về việc nhận chuyển nhượng các quyền sử dụng đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh				
+ Ông Trần Tuấn Nghiệp	14.186.500.000	-	14.186.500.000	-
+ Ông Trần Xảo Cơ	12.971.000.000	-	12.971.000.000	-
- Trả trước về việc tư vấn và thiết kế dự án Khu phức hợp cao ốc Hữu Liên				
+ Công ty CP KTS Lại Thế Duy và Cộng sự	4.367.756.250	(4.367.756.250)	4.367.756.250	(4.367.756.250)
Cộng	31.596.156.250	(4.367.756.250)	31.992.447.224	(4.567.756.250)
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	27.000.000	-	264.464.124	-
Ông Trần Tuấn Nghiệp	14.186.500.000	-	14.186.500.000	-
Ông Trần Xảo Cơ	12.971.000.000	-	12.971.000.000	-
Cộng	27.184.500.000	-	27.421.964.124	-
4. Phải thu khác	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	45.731.541.635	(1.140.000.000)	47.947.042.463	(1.140.000.000)
- Tạm ứng nhân viên				
+ Ông Trần Tuấn Nghiệp	10.430.499.860	-	11.693.465.887	-
+ Các cá nhân khác	321.000.000	-	322.800.000	-
- Phải thu Bà Vũ Thị Hồng				
Cúc liên quan đến khoản đặt cọc tiền thuê mặt bằng	1.140.000.000	(1.140.000.000)	1.140.000.000	(1.140.000.000)
- Khoản thuế Giá trị gia tăng đầu vào (chưa kê khai) liên quan đến khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp từ các tờ khai nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng không thực xuất khẩu	32.282.261.775	-	34.790.776.576	-
- Hitech Steel Enterise Ltd	1.557.780.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác (tiếp theo)	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	13.000.000	-	13.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.000.000	-	13.000.000	-
Cộng	45.744.541.635	(1.140.000.000)	47.960.042.463	(1.140.000.000)
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
- Tạm ứng nhân viên				
+ Ông Trần Tuấn Nghiệp	10.430.499.860	-	11.693.465.887	-
Cộng	10.430.499.860	-	11.693.465.887	-
5. Nợ xấu				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	200.428.840	-	1.806.163.757	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên</i>	200.428.840	-	1.738.936.839	-
<i>Các đối tượng khác</i>	-	-	67.226.918	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm.	2.488.044.524	-	37.403.095.807	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên</i>	2.488.044.524	-	37.140.664.267	-
<i>Các đối tượng khác</i>	-	-	262.431.540	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	37.291.214.917	-	42.433.310.036	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên</i>	37.140.664.267	-	27.265.532.997	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Việt Nga</i>	-	-	39.184.200	-
<i>Các đối tượng khác</i>	150.550.650	-	15.128.592.839	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	358.858.042.307	-	357.093.424.337	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên</i>	62.643.780.307	-	36.120.628.156	-
<i>Công ty TNHH SX TM DV Quảng Tiến</i>	10.303.672.164	-	37.725.248.164	-
<i>Công ty CP XD và KC thép Trường Phú - CN Bình Dương</i>	-	-	9.997.303.146	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Việt Nga</i>	17.135.027.236	-	17.095.843.036	-
<i>Bà Vũ Thị Hồng Cúc</i>	1.140.000.000	-	1.140.000.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	267.635.562.600	-	255.014.401.835	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nợ xấu (tiếp theo)	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu (dự phòng 100% do đã phá sản)				
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hưng Long</i>	139.189.801.372	-	139.189.801.372	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Vĩnh Tiến</i>	79.864.660.626	-	79.864.660.626	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Vinh Tiến</i>	59.325.140.746	-	59.325.140.746	-
Các khoản trả trước cho người bán quá hạn trên 3 năm				
<i>Công ty CP Kiến Trúc Sư Lại Thế Duy và cộng sự</i>	4.367.756.250	-	4.567.756.250	-
<i>Công ty CP Rénatus</i>	4.367.756.250	-	4.367.756.250	-
	-	-	200.000.000	-
Cộng	542.395.288.210	-	582.493.551.559	-

6. Hàng tồn kho	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.473.732.353	(1.537.872.698)	2.535.392.279	(243.365.582)
- Công cụ, dụng cụ	3.436.007.719	(515.401.158)	3.442.817.905	(516.422.687)
- Thành phẩm	15.692.310	(11.447.464)	2.637.940.038	(201.651.647)
Cộng	8.925.432.382	(2.064.721.320)	8.616.150.222	(961.439.916)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7. Tài sản dở dang dài hạn	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	27.948.738.045	-	27.948.738.045	-
- Chi phí dự án của khu phức hợp cao ốc Hữu Liên	27.948.738.045	-	27.948.738.045	-
Cộng	27.948.738.045	-	27.948.738.045	-

Các chi phí liên quan đến việc thực hiện dự án khu phức hợp cao ốc Hữu Liên tại phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đang được tạm ngưng thực hiện do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm ngừng đầu tư vào lĩnh vực bất động sản và Công ty đã gửi công văn số 0104-2014 ngày 04/4/2014, đến UBND Quận Bình Tân xin tạm ngưng dự án nêu trên. Đến thời điểm 30/9/2018, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tái khởi động dự án này.

8. Tài sản cố định hữu hình: Xem chi tiết trang 36.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (01/10/2017)	111.144.145.330	1.642.916.693	112.787.062.023
Mua mới trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm (30/9/2018)	111.144.145.330	1.642.916.693	112.787.062.023
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	25.698.237.506	683.535.448	26.381.772.954
Khấu hao trong năm	2.482.051.860	109.527.780	2.591.579.640
Số dư cuối năm	28.180.289.366	793.063.228	28.973.352.594
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	85.445.907.824	959.381.245	86.405.289.069
Số dư cuối năm	82.963.855.964	849.853.465	83.813.709.429

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm 10 quyền sử dụng có thời hạn tại quận Bình Tân và quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn sử dụng: đến năm 2049, và đến năm 2055). Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất này được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2018	01/10/2017		
- Đầu tư vào công ty liên kết (*)	10.629.100.000	13.420.000.000		
Cộng	10.629.100.000	13.420.000.000		
(*) Bao gồm:		Giá trị dự phòng ngày 30/9/2018		
- Công ty CP Minh Hữu Liên	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
	1.332.868	25,20%	10.629.100.000	-

Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư nêu trên.

11. Chi phí trả trước

	30/9/2018	01/10/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	79.679.703	232.868.763
- Chi phí bảo hiểm trả trước	793.800	1.165.500
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	50.951.176
- Chi phí khác chờ phân bổ	78.885.903	180.752.087
Chi phí trả trước dài hạn	7.268.256.692	12.560.222.462
- Chi phí công cụ, dụng cụ	30.427.711	144.005.548
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	7.203.402.781	12.329.644.896
- Chi phí chờ phân bổ khác	34.426.200	86.572.018
Cộng	7.347.936.395	12.793.091.225

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán	30/9/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
a. Ngắn hạn	345.999.311.853	345.999.311.853	343.916.284.042	343.916.284.042
Nhà cung cấp trong nước	17.192.783.457	17.192.783.457	18.685.011.029	18.685.011.029
<i>Công ty CP Bamboo Capital</i>	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí thép SMC</i>	16.731.432.764	16.731.432.764	17.220.432.764	17.220.432.764
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	461.350.693	461.350.693	414.578.265	414.578.265
Nhà cung cấp nước ngoài	328.806.528.396	328.806.528.396	325.231.273.013	325.231.273.013
<i>Daewoo International Corporation (**)</i>	144.842.302.756	144.842.302.756	146.068.852.149	146.068.852.149
<i>Hitech Steel Enterise Ltd (**)</i>	125.886.737.774	125.886.737.774	122.600.862.291	122.600.862.291
<i>Ningbo Ningshing International Inc</i>	21.994.426.843	21.994.426.843	21.420.331.834	21.420.331.834
<i>Zhejiang materials Industry Internation Co.,ltd</i>	36.083.061.023	36.083.061.023	35.141.226.739	35.141.226.739
Cộng	345.999.311.853	345.999.311.853	343.916.284.042	343.916.284.042

(*) Số liệu trình bày trên cơ sở cam kết trả nợ của Công ty và thể hiện sự quyết tâm của Công ty đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

(**) Trong năm tài chính, Công ty đã thanh toán theo kế hoạch trả nợ được các bên đồng ý.

13. Người mua trả tiền trước	30/9/2018	01/10/2017
a. Ngắn hạn	10.634.299.056	12.141.310.556
Khách hàng trong nước	144.206.125	1.651.217.625
<i>Công ty CP Minh Hữu Liên</i>	-	1.507.011.500
<i>Các khách hàng khác</i>	144.206.125	144.206.125
Khách hàng nước ngoài	10.490.092.931	10.490.092.931
<i>Long Teng Group Limited</i>	10.409.114.420	10.409.114.420
<i>Các khách hàng khác</i>	80.978.511	80.978.511
Cộng	10.634.299.056	12.141.310.556
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
<i>Công ty CP Minh Hữu Liên</i>	-	1.507.011.500
Cộng	-	1.507.011.500

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/10/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/9/2018
Phải nộp				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	34.790.776.576	-	2.508.514.801	32.282.261.775
- Thuế nhập khẩu	2.388.816.313	-	-	2.388.816.313
- Thuế TNCN	500.000	110.180.978	102.502.537	8.178.441
- Các loại thuế khác	-	106.797.930	106.797.930	-
Cộng	37.180.092.889	216.978.908	2.717.815.268	34.679.256.529

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí phải trả		30/9/2018	01/10/2017		
Ngắn hạn		558.759.987.067	450.313.619.278		
- Chi phí lãi vay còn phải trả		538.140.866.746	435.669.653.844		
- Chi phí lương tháng 13 còn phải trả		187.157.824	240.060.208		
- Lãi chậm thanh toán		20.380.367.913	14.401.308.226		
- Chi phí khác còn phải trả		51.594.584	2.597.000		
Cộng		558.759.987.067	450.313.619.278		
16. Phải trả khác		30/9/2018	01/10/2017		
a. Ngắn hạn		30.145.984.842	53.995.946.509		
- Kinh phí công đoàn		13.405.340	11.862.120		
- Bảo hiểm bắt buộc		138.365.415	126.490.046		
- Lãi chậm nộp thuế		29.934.325.231	26.025.756.399		
- Khoản nhận ký quỹ ngắn hạn		50.000.000	50.000.000		
- Khoản tiền mượn không lãi suất từ Ông Trần Xảo Cơ (Bên liên quan)		-	27.780.000.000		
- Các khoản phải trả khác		9.888.856	1.837.944		
b. Dài hạn		197.316.000	197.316.000		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		197.316.000	197.316.000		
Cộng		30.343.300.842	54.193.262.509		
c. Phải trả khác đến các bên liên quan					
- Ông Trần Xảo Cơ		-	27.780.000.000		
Cộng		-	27.780.000.000		
17. Vay và nợ thuê tài chính		30/9/2018	01/10/2017		
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
Ngắn hạn		690.023.469.219	690.023.469.219	694.023.273.478	694.023.273.478
- NH Malayan Banking					
a) BerHad		11.608.298.243	11.608.298.243	13.406.704.021	13.406.704.021
b) - NH TMCP Quốc Dân		192.249.631.320	192.249.631.320	192.132.331.320	192.132.331.320
- NH TMCP Sài Gòn					
c) Thương Tín		256.807.010.927	256.807.010.927	255.294.797.454	255.294.797.454
- NH Đầu tư và Phát triển					
d) Việt Nam		162.819.875.061	162.819.875.061	166.129.317.751	166.129.317.751
e) - NH First Commercial Bank		63.329.230.062	63.329.230.062	63.850.699.326	63.850.699.326
- Nợ dài hạn đến hạn trả		3.209.423.606	3.209.423.606	3.209.423.606	3.209.423.606
Dài hạn		500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- NH TMCP Sài Gòn					
f) Thương Tín		3.209.423.606	3.209.423.606	3.209.423.606	3.209.423.606
g) - Bà Lưu Lang Phương		500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(3.209.423.606)	(3.209.423.606)	(3.209.423.606)	(3.209.423.606)
Cộng		690.523.469.219	690.523.469.219	694.523.273.478	694.523.273.478

(*) Số liệu trình bày trên cơ sở cam kết trả nợ của Công ty và thể hiện sự quyết tâm của Công ty đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking BerHad - Hồ Chí Minh theo thư đề nghị vay vốn số MBB/HCMC/LO/2010/HLA/09 ngày 09/5/2011 với hạn mức là 2,500,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: 7%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **11.608.298.243 đồng**. Tuy khoản nợ này đã quá hạn nhưng theo biên bản số 02/2018/CV-HLAC ngày 17/01/2018, Công ty cam kết sẽ trả hết trong vòng 48 tháng, bắt đầu từ tháng 8/2017 đến tháng 7/2021.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân (trước đây là Ngân hàng TMCP Nam Việt) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 019/11/HĐHM/101-51 ngày 10/8/2011 và phụ lục bổ sung số 003/PL ngày 03/11/2012 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ (thông thường là 12 tháng); lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: vay bằng VND là 13,5%/năm đến 14%/năm, vay bằng USD là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh phát sinh/hình thành trước, trong hoặc sau ngày ký hợp đồng đảm bảo có giá trị tối thiểu là 180 tỷ đồng, 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh; và 01 quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **192.249.631.320 đồng**, bao gồm 187.680.796.320 đồng và 195,500.00 USD tương đương 4.568.835.000 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1318500059 ngày 17/7/2013 với tổng hạn mức là 750 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: vay bằng VND là 10,5%/năm, vay bằng USD là 4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo 08 quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **256.807.010.927 đồng**, bao gồm 199.249.309.242 đồng và 2,462,888.39 USD tương đương 57.557.701.675 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTĐ/72489 ngày 16/5/2013 và phụ lục số 01/2013/PLHĐ02/72489 ngày 30/8/2013 với tổng hạn mức là 260 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: 15-15,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với nguyên giá là 91.560.720.983 đồng, cổ phiếu, Tài sản cố định thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **162.819.875.061 đồng**. Các khoản nợ này được gia hạn 84 tháng kể từ ngày 01/10/2014 theo Công văn số 0475/CV-KHDN ngày 11/6/2014 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM.

(e) Khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số TRTD-H102/143 ngày 22/8/2013 và phụ lục bổ sung số ReSL-H102/143-1 ngày 26/02/2014 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba; lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: 7%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **63.329.230.062 đồng**. Các khoản nợ này được gia hạn 11 năm kể từ tháng 11/2016 theo hợp đồng số ReSL-H2016/174 ngày 16/01/2017 của Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 11232 ngày 10/11/2006 với số tiền vay là 10.175.513.200 đồng; mục đích vay: xây dựng nhà xưởng; thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2018: 16%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là **3.209.423.606 đồng**, được gia hạn trả hết nợ đến ngày 10/11/2017 và cũng là khoản nợ dài hạn đến hạn trả.

(g) Khoản vay tiền của Bà Lưu Lang Phương theo hợp đồng vay tiền số 0120171/HĐVT/HLAC-LLP ngày 25/9/2017 với số tiền vay là: **500.000.000 đồng**. Khoản vay này không có lãi suất, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 28/9/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	01/10/2016	Tăng	Giảm	30/9/2017
Vốn góp của chủ sở hữu	344.592.930.000	-	-	344.592.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	140.887.786.000	-	-	140.887.786.000
Cổ phiếu quỹ	(163.000.000)	-	-	(163.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	3.786.176.614	-	-	3.786.176.614
LNST chưa phân phối	(1.459.693.060.636)	(298.396.170.694)	-	(1.758.089.231.330)
Cộng	(970.589.168.022)	(298.396.170.694)	-	(1.268.985.338.716)

Khoản mục	01/10/2017	Tăng	Giảm	30/9/2018
Vốn góp của chủ sở hữu	344.592.930.000	-	-	344.592.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	140.887.786.000	-	-	140.887.786.000
Cổ phiếu quỹ	(163.000.000)	-	-	(163.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	3.786.176.614	-	-	3.786.176.614
LNST chưa phân phối	(1.758.089.231.330)	(126.184.095.911)	-	(1.884.273.327.241)
Cộng	(1.268.985.338.716)	(126.184.095.911)	-	(1.395.169.434.627)

b. Cổ phiếu

	30/9/2018	01/10/2017
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	67.200.000	67.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.459.293	34.459.293
+ Cổ phiếu phổ thông	34.459.293	34.459.293
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(16.300)	(16.300)
+ Cổ phiếu phổ thông	(16.300)	(16.300)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.442.993	34.442.993
+ Cổ phiếu phổ thông	34.442.993	34.442.993
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/9/2018		01/10/2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
USD	593,59	13.824.741	2.021,14	45.840.886
Cộng		13.824.741		45.840.886

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay (Từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018)	Năm trước (từ ngày 01/10/2016 đến 30/9/2017)
I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	936.503.523	1.496.123.796
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.473.591.551	15.298.136.562
Cộng	18.410.095.074	16.794.260.358
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hữu Liên	11.739.937.724	9.569.453.371
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	424.004.415	1.979.013.201
Cộng	12.163.942.139	11.548.466.572
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.930.437.829	2.831.250.045
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9.404.033.802	17.264.144.367
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.103.281.404	(621.861.669)
Cộng	13.437.753.035	19.473.532.743
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.227.128	2.227.584
Lãi từ bán chứng khoán	97.800.000	-
Doanh thu tài chính khác	-	857
Cộng	101.027.128	2.228.441
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	102.471.212.902	136.045.827.284
Lãi chậm thanh toán (*)	5.979.059.687	(7.305.835.617)
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(82.400)	340.160
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay, phải trả	10.318.872.964	7.194.060.728
Lỗi từ bán chứng khoán	163.014.200	-
Chi phí tài chính khác	-	12.910
Cộng	118.932.077.353	135.934.405.465

(*) Hoàn chi phí lãi chậm thanh toán năm trước do được nhà cung cấp đồng ý thay đổi thời hạn trả nợ từ ngày 30/8/2014 đến ngày 28/02/2020 thành từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/12/2027.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	349.360.741	299.002.672
Các khoản chi phí bán hàng khác bằng tiền	1.412.250	6.390.000
Cộng	350.772.991	305.392.672
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.264.489.785	4.921.754.724
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.983.669.634	3.202.622.409
Dự phòng phải thu khó đòi	(19.974.094.730)	126.122.549.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	699.730.832	678.936.081
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.199.033.743	5.267.087.578
Cộng	(9.827.170.736)	140.192.950.281
6. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	9.894.697.627	8.128.536.379
Chi phí phân bổ công cụ và sửa chữa không sử dụng	7.966.221.643	6.837.793.663
Chi phí vi phạm chậm nộp BH	6.734.240	16.258.382
Chi phí lãi chậm nộp thuế	3.918.568.832	4.296.289.908
Chi phí khác	16.477.128	7.500.000
Cộng	21.802.699.470	19.286.378.332
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (lỗ)	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ)	(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (lỗ)	(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34.442.993	34.442.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (lỗ)	(3.664)	(8.663)
8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (lỗ)	(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(126.184.095.911)	(298.396.170.694)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.442.993	34.442.993
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	34.442.993	34.442.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.664)	(8.663)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.661.576	4.315.795.916
Chi phí nhân công	4.613.850.526	5.746.416.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.897.309.003	7.382.887.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.007.429.689	1.080.126.567
Chi phí khác bằng tiền	(17.771.038.737)	131.472.842.871
Cộng	(71.787.943)	149.998.069.487

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và 30 tháng 9 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và 30 tháng 9 năm 2017.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ và tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ và tiền gửi) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2018	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
VND	+200	(12.554.784.396)
VND	-200	12.554.784.396
USD	+100	(621.127.119)
USD	-100	621.127.119

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2017

VND	+200	(12.618.174.695)
VND	-200	12.618.174.695
USD	+100	(604.511.823)
USD	-100	604.511.823

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2018	+ 1%	(3.909.192.403)
	- 1%	3.909.192.403
Năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2017	+ 1%	(3.856.824.553)
	- 1%	3.856.824.553

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 30 tháng 9 năm 2018				
Dưới 90 ngày	72.399.173.730	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	542.395.288.210
Tổng cộng giá trị ghi sổ	72.399.173.730	-	-	542.395.288.210
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(529.823.601.285)
Giá trị thuần	72.399.173.730	-	-	12.571.686.925
Ngày 30 tháng 9 năm 2017				
Dưới 90 ngày	75.421.978.960	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	582.493.551.559
Tổng cộng giá trị ghi sổ	75.421.978.960	-	-	582.493.551.559
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(549.797.696.015)
Giá trị thuần	75.421.978.960	-	-	32.695.855.544

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	690.023.469.219	500.000.000	-	690.523.469.219
Phải trả người bán	345.999.311.853	-	-	345.999.311.853
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	588.905.971.909	197.316.000	-	589.103.287.909
Cộng	1.624.928.752.981	697.316.000	-	1.625.626.068.981
Ngày 30 tháng 9 năm 2017	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	694.023.273.478	500.000.000	-	694.523.273.478
Phải trả người bán	343.916.284.042	-	-	343.916.284.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	504.309.565.787	197.316.000	-	504.506.881.787
Cộng	1.542.249.123.307	697.316.000	-	1.542.946.439.307

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuế tài chính).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (Xem trang 37)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và 30 tháng 9 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	500.000.000
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.629.317.732	18.522.437.871

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Cùng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	14.913.510	102.624.457.390
		Cung cấp dịch vụ	409.090.905	-
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	11.739.937.724	217.306.000
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng giám đốc	Tạm ứng	(1.262.966.027)	10.430.499.860
		Trả trước người bán	-	12.971.000.000
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch HĐQT	Chi trả tiền mượn (*)	27.780.000.000	-
		Trả trước người bán	-	14.186.500.000
Bà Lưu Lang Phương	Vợ chủ tịch HĐQT	Cho vay	-	(500.000.000)
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	903.345.000	

(*) - Công ty thực hiện việc chi trả dựa theo cam kết số 01/2010/BBTT/HLAC-TXC ngày 12/12/2010 về việc ưu tiên hoàn trả cho ông Trần Xảo Cơ số tiền mà ông Trần Xảo Cơ đã trả nợ vay cho Ngân hàng Malayan Banking BerHad và Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam thay cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ tại một môi trường kinh tế, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

4. Cam kết khác

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2008 giữa Công ty và Ông Trần Xảo Cơ thì Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 57, phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM, diện tích là 1.526 m² với giá chuyển nhượng là 12.971.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2018, Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và quyền sử dụng đất này chưa hoàn tất thủ tục đăng ký. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/08/2008 giữa Công ty và Ông Trần Tuấn Nghiệp thì Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 523, tờ bản đồ số 57-TL2005, phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM, diện tích là 1.669 m² với giá chuyển nhượng là 14.186.500.000 đồng. Đến ngày 30/9/2018, Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và quyền sử dụng đất này chưa hoàn tất thủ tục đăng ký. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

5. Cam kết hoạt động liên tục

Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) bị âm 1.395.169.434.627 VND và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.597.128.762.668 VND. Công ty phát sinh lỗ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018 và lỗ lũy kế đến ngày 30/9/2018 lần lượt là 126.184.095.911 VND và 1.884.273.327.241 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn thanh toán. Công ty cam kết sẽ có những giải pháp vốn cũng như sẽ tìm các nguồn vốn hợp lý để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Công ty đang tiến hành đàm phán với các đối tác về việc chuyển nhượng dự án Khu phức hợp cao ốc Hữu Liên để thanh toán các khoản công nợ đến hạn thanh toán.

- Các khoản nợ ngắn hạn (mã số 310 trên Cân đối kế toán) tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 1.670.083.192.442 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các khách hàng và các ngân hàng, cá nhân bằng việc gia hạn thời gian trả nợ. Chi tiết như sau:

+ Posco Daewoo Corporation đồng ý thay đổi kế hoạch trả nợ từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/12/2027, thay vì từ ngày 30/8/2014 đến ngày 28/02/2020 như trước đây;

+ Cam kết trả nợ cho Hitech Steel Enterise Ltd theo kế hoạch đến tháng 12/2022;

+ Theo biên bản làm việc ngày 11/4/2017 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Công ty CP Hữu Liên Á Châu thì Công ty sẽ tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho VAMC để VAMC thực hiện các thủ tục mua bán chuyển nhượng nhằm thu hồi nợ vay; VAMC có ý kiến sẽ làm việc với các tổ chức tín dụng về đề xuất phương án trả nợ của Công ty và VAMC sẽ chuyển tiếp các đề xuất của Công ty với các tổ chức tín dụng về phương án vay vốn thêm để tái tục hoạt động sản xuất kinh doanh có nguồn thu để trả nợ cho các nghĩa vụ nợ còn lại tại VAMC hoặc các tổ chức tín dụng.

+ Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 1128/2017/QĐST-KDTM ngày 17/11/2017 của Tòa án Nhân dân quận Phú Nhuận - thành phố Hồ Chí Minh, Công ty CP Hữu Liên Á Châu cam kết trả nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam theo kế hoạch định kỳ đến ngày 01/9/2023.

- Công ty đã đưa ra chủ trương, kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới, đa phần nhận gia công sản phẩm và cho thuê nhà xưởng trong thời gian tái cơ cấu nợ vay với các ngân hàng, tìm nguồn vốn lưu động bổ sung và thực hiện các biện pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí quản lý, chi phí hoạt động trong 12 tháng tới;

- Trường hợp trong 12 tháng tới Công ty không huy động được nguồn vốn đầu tư hoặc tài trợ từ các nguồn tài chính khác nhau để thực hiện các hoạt động kinh doanh dở dang của mình thì tạm thời trong 12 tháng tới Công ty sẽ tiếp tục việc giãn các tiến độ triển khai thực hiện dự án hoặc tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng lại các hoạt động phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin khác

Toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty (34.459.293 cổ phiếu) đã bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM từ ngày 26/5/2016 theo thông báo số 510/TB-SGDHN ngày 19/5/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

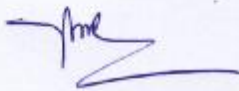
Theo Thông báo số 742/TB-CNTT ngày 29/12/2014, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") đã thực hiện bán khoản nợ được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty tại Sacombank (bao gồm toàn bộ giá trị nợ gốc, nợ lãi kể cả lãi phạt và các chi phí liên quan đến khoản nợ nêu trên) đến Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thu Bình

Nguyễn Thị Thanh Loan

Trần Tuấn Nghiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.269.898.473	155.747.199.643	10.595.804.359	2.740.500.273	810.765.000	222.164.167.748
<i>Mua mới trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	52.269.898.473	155.747.199.643	10.595.804.359	2.740.500.273	810.765.000	222.164.167.748
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	24.463.490.362	125.873.849.357	10.324.218.388	2.722.958.883	752.883.893	164.137.400.883
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.983.712.320	10.043.695.273	146.295.080	11.610.388	15.113.929	12.200.426.990
Số dư cuối năm	26.447.202.682	135.917.544.630	10.470.513.468	2.734.569.271	767.997.822	176.337.827.873
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	27.806.408.111	29.873.350.286	271.585.971	17.541.390	57.881.107	58.026.766.865
Số dư cuối năm	25.822.695.791	19.829.655.013	125.290.891	5.931.002	42.767.178	45.826.339.875

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm tại ngày 30/09/2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.129.958.377 đồng.

Tại ngày 30/09/2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.829.375.205 đồng là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và dụng cụ quản lý, cũng như toàn bộ tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 30/09/2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình không sử dụng là 77.751.955.510 đồng và giá trị còn lại là 19.746.034.683 đồng.

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình cho Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên mượn đến ngày 30/09/2018 là 7.786.239.057 đồng và giá trị còn lại là 2.347.375.754 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/9/2018	Dự phòng	Giá trị	30/9/2017	30/9/2018	30/9/2017
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	537.453.764.055	(524.315.845.035)	577.963.040.832	(544.089.939.765)	13.137.919.020	33.873.101.067
- Phải thu khác	34.993.041.775	(1.140.000.000)	35.943.776.576	(1.140.000.000)	33.853.041.775	34.803.776.576
- Tiền và các khoản tương đương tiền	671.537.506	-	3.163.356.415	-	671.537.506	3.163.356.415
TỔNG CỘNG	573.118.343.336	(525.455.845.035)	617.070.173.823	(545.229.939.765)	47.662.498.301	71.840.234.058
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	690.523.469.219	-	694.523.273.478	-	690.523.469.219	694.523.273.478
- Phải trả người bán	345.999.311.853	-	343.916.284.042	-	345.999.311.853	343.916.284.042
- Chi phí phải trả và phải trả khác	589.103.287.909	-	504.506.881.787	-	589.103.287.909	504.506.881.787
TỔNG CỘNG	1.625.626.068.981	-	1.542.946.439.307	-	1.625.626.068.981	1.542.946.439.307

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CTY

Số : 28122018

Ngày: 28/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Tổng Giám Đốc**



Trần Tuấn Nghiệp